TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10** /2017/ DS - ST
Ngày: 14 - 11 - 2017
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông D Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Hiến

Bà Trịnh Thị Minh Tỵ

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/ 2017/TLST - DS ngày 03 tháng 7 năm 2017 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐXX-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thanh T, sinh năm 1951. Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 7 năm 2017): Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ dân phố 4B, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Đình Thành – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Vũ Đình Thành. Địa chỉ: Số 7/365 phố Vọng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (Có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị Thùy D, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 3, phường Lương Châu, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và phiên hòa giải, nguyên đơn bà Trần Thanh T và người đại diện, chị Nguyễn Thị N trình bầy: Do có quan hệ quen biết, trong năm 2013, bà Trần Thanh T đã cho chị Trần Thị Thùy D vay số tiền 50.000.000đ thể hiện qua 03 giấy vay tiền ngày 19/4/2014, 02/5/2013, 25/6/2013, về thời hạn trả nợ thể hiện "khi nào cần bà T sẽ thông báo trước chị D sẽ có trách nhiệm trả nợ". Đến nay, chị D vẫn chưa trả được số nợ trên, bà T yêu cầu chị D có trách nhiệm trả cho bà số nợ gốc 50.000.000đ và lãi phát sinh từ thời điểm cho vay đến nay là 04 năm

(từ năm 2013 đến năm 2017), mức lãi suất là 9%/năm, tương ứng số tiền lãi phát sinh là 18.000.000đ. Tổng số tiền bà T yêu cầu chị D phải trả tính đến ngày hòa giải (21/9/2017) là 68.000.000đ.

Bị đơn chị Trần Thị Thùy D thừa nhận có vay của bà Trần Thanh T số tiền 50.000.000đ, đến nay bà T yêu cầu chị phải trả toàn bộ nợ và lãi phát sinh, chị D đồng ý với yêu cầu của bà T về số tiền phải trả là 68.000.000đ.

Tài liệu, chứng cứ bà T nộp Tòa án: 03 Giấy vay tiền, giấy ngày 19/4/2013 có nội dung: *"Hôm nay ngày 19/4/2013, tôi Trần Thị Thùy D Tổ 3 L - S - TN có vay của bà: Trần Thị T. xóm H, Phường P – SC – TN. Số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu đồng chẵn) khi nào cần bà T sẽ báo trước. tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm. Cuối văn bản ghi S, 19/04/2013. Người vay và chữ ký, viết tên Trần Thị Thùy D"*; giấy ngày 02/5/2013 có nội dung: *"Hôm nay ngày: 02/5/2013,Tôi: Trần Thị Thùy D. tổ 3phường L- TP. S, tỉnh Thái Nguyên có vay của bà: Trần Thị T. xóm H Phường P, Thị xã S, Thái Nguyên. Số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu đồng chẵn) khi nào cần bà T báo trước để tôi thu xếp. Cuối văn bản có chữ Người vay và chữ ký, viết tên Trần Thị Thùy D và ghi ngày: 2/5/2013"*; giấy ngày 25/6/2013 có nội dung: *"Hôm nay ngày 25/6/2013 (D lịch),Tôi: Trần Thị Thùy D. Tổ 3 phường L - thị xã S - Thái Nguyên. có vay của bà: Trần Thị T. xóm Hn –phường P – thị xã S - Thái Nguyên. Số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng chẵn). Khi nào cần bà T báo trước một tháng để thanh toán. Cuối văn bản ghi ngày 25/6/2013 có chữ Người vay và chữ ký, viết tên Trần Thị Thùy D"*.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên hòa giải các đương sự đã tự thỏa thuận giải quyết được toàn bộ nội dung vụ án, nhưng trong thời hạn 07 ngày sau khi lập biên bản hòa giải thành, người đại diện của nguyên đơn thay đổi ý kiến, không nhất trí với nội dung hòa giải, vụ án được đưa ra xét xử tại phiên tòa công khai.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn yêu cầu bị đơn Trần Thị Thùy D phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc 50.000.000đ theo các giấy vay tiền ngày 19/4/2014, 02/5/2013, 25/6/2013 và lãi suất, cụ thể: Đối với giấy vay tiền ngày 19/4/2017: 20.000.000đ x 54 tháng (từ ngày 19/4/2013 đến 19/10/2017) x 09%/năm = 8.100.000đ; đối với giấy vay tiền ngày 02/5/2017: 20.000.000đ x 54 tháng (từ ngày 02/5/2013 đến 02/11/2017) x 09%/năm = 8.100.000đ; đối với giấy vay tiền ngày 25/6/2017: 10.000.000đ x 52 tháng (từ ngày 25/6/2013 đến 25/10/2017) x 09%/năm = 3.900.000đ. Tổng lãi suất của cả ba khoản vay là: 8.100.000đ + 8.100.000đ + 3.900.000đ = 20.100.000đ. Tổng số tiền nợ gốc và lãi suất phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn là chị D phải trả là: 50.000.000đ + 20.100.000đ = 70.100.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại thành phố S, theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Tại phiên tòa, bị đơn là chị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn là bà T vắng mặt, nhưng đã có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ quy định tại

khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, không có đương sự nào đề nghị áp dụng về thời hiệu khởi kiện. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án không áp dụng thời hiện khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, người đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn Trần Thị Thùy D phải trả cho bà T số tiền nợ gốc 50.000.000đ theo 03 giấy vay tiền ngày 19/4/2014, 02/5/2013, 25/6/2013 và lãi phát sinh của cả ba khoản vay đến thời điểm xét xử là 20.100.000đ. Tổng cộng là 70.100.000đ.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn là chị D đã thừa nhận khoản tiền 50.000.000đ bà T đã cho chị D vay, cũng như thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Sự thừa nhận này của chị D phù hợp với chứng cứ (03 giấy vay tiền ngày 19/4/2013, 02/5/2013 và 25/6/2013) mà nguyên đơn đã giao nộp. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án công nhận tình tiết này là sự thật. Cả phía nguyên đơn và bị đơn đều xác định đến thời điểm hiện tại, chị D chưa trả được cho bà T được khoản tiền nào.

Xét yêu cầu của bà T, yêu cầu chị D phải trả số tiền 50.000.000đ nợ gốc. Chị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, cần buộc chị D phải trả đủ cho bà T số tiền 50.000.000đ vay nợ gốc.

Đối với yêu cầu về trả lãi suất. Theo yêu cầu của phía nguyên đơn, yêu cầu phía bị đơn là chị D phải trả lãi theo giấy vay tiền ngày 19/4/2013, thời gian 54 tháng với mức lãi suất 9%/ 01 năm = 8.100.000đ; giấy vay tiền ngày 02/5/2013, thời gian 54 tháng với mức lãi suất 9%/ 01 năm = 8.100.000đ và giấy vay tiền ngày 25/6/2013, thời gian 52 tháng với mức lãi suất 9%/ 01 năm = 3.900.000đ. Do các bên chỉ thỏa thuận là vay có trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất, căn cứ quy định khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, chị D phải chịu lãi suất (với cả ba khoản vay) theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố là 09%/ 01 năm. Như vậy, yêu cầu của phía nguyên đơn, buộc chị D phải trả lãi suất đối với ba khoản tiền vay theo các giấy vay tiền ngày 19/4/2017, 02/5/2013 và 25/6/2013, tổng cộng 20.100.000đ là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Tổng số tiền vay nợ gốc và lãi suất chị D phải có trách nhiệm trả cho bà T là: 50.000.000đ + 20.100.000đ = 70.100.000đ.

Về phía chị D đã nhận trách nhiệm trả tiền theo yêu cầu của phía nguyên đơn nhưng chị trình bầy không có điều kiện trả ngay là không có cơ sở chấp nhận, vì chị D đã vi phạm thời hạn trả nợ theo thỏa thuận, nên phải có nghĩa vụ trả ngay khoản tiền trên cho bà T.

[3] Về án phí: Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271; thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35,39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 471, 474, khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Thanh T: Buộc chị Trần Thị Thùy D có trách nhiệm trả cho bà Trần Thanh T số tiền vay nợ gốc 50.000.000đ theo các giấy vay tiền ngày 19/4/2014, 02/5/2013, 25/6/2013 và lãi suất của cả ba khoản vay là 20.100.000đ. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi suất chị Trần Thị Thùy D phải trả bà Trần Thanh T là 70.100.000đ *(bằng chữ: bẩy mươi triệu, một trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị D chậm thanh toán còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Thùy D phải chịu 3.505.000đ án phí dân sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước. Hoàn trả bà Trần Thanh T 1.250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010698 ngày 28/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị N, vắng mặt bị đơn là chị D.

Báo cho nguyên đơn bà Trần Thanh T và người đại diện là chị Nguyễn Thị N biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn chị Trần Thị Thùy D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Sông Công;
- Chi cục THA DS TP. Sông Công;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Dương Văn Phong